

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG ONCOM
CÔNG BẢN N I DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP M I

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG ONCOM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ONCOM TELECOM TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ONCOM TT CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108686257

3. Ngày thành lập: 08/04/2019

4. Địa chỉ số chính:

Nhà số 5, ngõ 277 Vũ Tông Phan, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02466752662

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
4.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
5.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
6.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
7.	Xây dựng nhà để ở	4101
8.	Xây dựng nhà không để ở	4102
9.	Xây dựng công trình điện	4221
10.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
11.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
12.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn; Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu	4229
13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này; Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn; Cửa cuốn, cửa tự động; Dây dẫn chống sét; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
20.	Bán buôn thực phẩm (Không bao gồm kinh doanh thực phẩm chức năng)	4632
21.	Bán buôn đồ uống	4633
22.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
23.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
24.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651(Chính)
25.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
26.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
27.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng)	4662
28.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
29.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
30.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
31.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức)	4773

32.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
33.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
35.	Bốc xếp hàng hóa	5224
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Không bao gồm hỗ trợ hàng không)	5229
37.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm hoạt động của các phòng hát karaoke, quầy bar, vũ trường)	5610
38.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
39.	Xuất bản phần mềm	5820
40.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet; Hoạt động viễn thông khác	6190
41.	Lập trình máy vi tính	6201
42.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
43.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: : Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
44.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
45.	Cổng thông tin	6312
46.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các hoạt động dịch vụ thông tin khác	6399
47.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính kế toán)	7020
48.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
49.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
50.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
51.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
52.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
53.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
54.	Quảng cáo	7310
55.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

56.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;	7410
-----	---	------

6. V n đi u l : 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp v n:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký h kh u thư ng trú đ i v i cá nhân; đ a ch tr s chính đ i v i t ch c	Giá tr v n góp (VNĐ)	T l (%)	S CMND (ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác) đ i v i cá nhân; Mã s doanh nghì p đ i v i doanh nghì p; S Quy t đ nh thành l p đ i v i t ch c	Ghi chú
1	NGUYỄN TIẾN HẢI	Xóm 1, Xã Yên Lộc, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	3.500.000.000	70,000	037079002704	
2	LÊ VĂN CƯỜNG	Xóm Giữa, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	30,000	001079009051	

8. Ngư i đ i di n theo pháp lu t:

* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/09/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 037079002704

Ngày cấp: 11/07/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, Xã Yên Lộc, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Nhà số 5, ngõ 277 Vũ Tông Phan, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội